**Thứ hai ngày 25 tháng 10 năm 2021**

***Tập đọc:***

**KÌ DIỆU RỪNG XANH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức**:

***-*** Cảm nhận được vẻ đẹp kì thú của rừng; tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ của tác giả đối với vẻ đẹp của rừng. (Trả lời được các câu hỏi 1, 2 ,4).

***-*** Đọc diễn cảm bài văn với cảm xúc ngưỡng mộ trước vẻ đẹp của rừng.

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Biết yêu vẻ đep của thiên nhiên, thêm yêu quý và có ý thức. BVMT.

**II. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên: Tranh minh hoạ bài đọc.

- Học sinh: Đọc tr­ước bài, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - HS chơi trò chơi"Truyền điện", mỗi em đọc nối tiếp 1 câu thơ trong bài “Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà”, bạn nào đọc sai thì thua cuộc.  - HS nghe  - HS ghi vở | - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (12 phút)** | |
| - Lớp trưởng điều khiển lớp  - 1 HS đọc toàn bài  - HS đọc, chia đoạn  + Đ1: Loang quanh trong rừng…lúp xúp dưới chân.  + Đ2: Nắng trưa đã rọi…thế giới thần bí.  + Đ3: Còn lại.  - Nhóm trưởng điều khiển các bạn đọc nối tiếp đoạn trong nhóm  + HS đọc nối tiếp lần 1 + luyện đọc từ khó, câu khó  + HS đọc nối tiếp lần 2 + giải nghĩa từ - 2 HS đọc cho nhau nghe  - HS nghe | - Cho HS đọc nối tiếp 3 đoạn trong nhóm    - Luyện đọc theo cặp  - GV đọc mẫu toàn bài |
| **3. Hoạt động Thực hành: (10 phút)** | |
| - Nhóm trưởng điều khiển nhóm sau đó báo cáo kết quả:  + Những sự vật được tác giả miêu tả là: nấm rừng, cây rừng, nắng rừng, các con thú, màu sắc của rừng, âm thanh của rừng.  + Tác giả liên tưởng đây như là một thành phố nấm, mỗi chiếc nấm như một lâu đài kiến trúc tân kì, tác giả có cảm giác như mình là một người khổng lồ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon với những đền đài miếu mạo, cung điện lúp xúp dưới chân.  + Nhờ những liên tưởng ấy làm cho cảnh vật trong rừng trở lên lãng mạn, thần bí như trong truyện cổ tích.  + Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền nhanh như tia chớp. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo. Những con mang vàng đang ăn cỏ non, những chiếc chân vàng giẫm trên thảm lá vàng...  + Sự xuất hiện thoắt ẩn thoắt hiện của muông thú làm cho cảnh rừng trở lên sống động, đầy những điều bất ngờ kì thú.  + Đoạn văn làm em háo hức muốn có dịp được vào rừng , tận mắt ngắm cảnh đẹp của thiên nhiên.  + Bài văn cho ta thấy tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ của tác giả đối với vẻ đẹp kì thú của rừng. | - Cho HS thảo luận nhóm đọc bài và TLCH  - Tác giả đã miêu tả những sự vật nào của rừng?  - Những cây nấm rừng khiến tác giả liên tưởng thú vị gì?  - Nhờ những liên tưởng ấy mà cảnh vật đẹp thêm như thế nào?  - Những muông thú trong rừng được miêu tả như thế nào?  - Sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho cảnh rừng ?  - Hãy nói cảm nghĩ của em khi đọc đoạn văn?  - Bài văn cho ta thấy gì? |
| **Luyện đọc hay: (6 phút)** | |
| - 1 HS đọc toàn bài.  - HS theo dõi.  - HS nghe  - HS nghe  - HS cá nhân.  - HS đọc trong nhóm.  - 3 HS thi đọc.  - HS nhận xét | - 1 HS đọc toàn bài  - GV ghi đoạn cần luyện đọc diễn cảm.  - GV hướng dẫn cách đọc.  - GV đọc mẫu.  - Gọi HS đọc.  - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm.  - Tổ chức thi đọc diễn cảm.  - GV cùng cả lớp nhận xét |
| **4. Hoạt động vận dụng: (2phút)** | |
| - Rừng xanh đem lại nhiều lợi ích cho con người : điều hòa khí hậu, ngăn lũ lụt, cung cấp nhiều loại lâm sản quý... Cần bảo vệ, chăm sóc và trồng cây gây rừng. | - Rừng xanh mang lại lợi ích gì cho con người ?Chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ rừng ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Chính tả:***

**NGHE - VIẾT: KÌ DIỆU RỪNG XANH**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:***

***-*** Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi .

***-*** Tìm được các tiếng chứa yê/ ya trong đoạn văn (BT2); tìm được tiếng có vần uyên thích hợp để điền vào ô trống .(BT3) .

***-*** Có ý thức tốt khi viết chính tả.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Giáo viên: Viết sẵn bài tập 2 trên bảng (2 bản). Phấn màu.

- Học sinh: Vở viết.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - Cả lớp hát khởi động hát bài "Nhạc rừng"  - 2 HS lên bảng làm bài.  - Lớp theo dõi, nhận xét  - HS ghi vở | - Viết những tiếng chứa ***ia/ iê*** trong các thành ngữ tục ngữ dưới đây và nêu quy tắc đánh dấu thanh trong những tiếng ấy:  *- Sớm thăm tối viếng*  *- Trọng nghĩa khinh tài*  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài, ghi bảng |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới (22 phút)** | |
| \* **Hoạt động chuẩn bị viết chính tả**  - 1 HS đọc  + Sự có mặt của muông thú làm cho cánh rừng trở lên sống động, đầy bất ngờ.  - HS tìm và nêu  - HS viết: *ẩm lạnh, rào rào, chuyển động, con vượn, gọn ghẽ, chuyền, …*  \* **HĐ viết bài chính tả:**  - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả.  Thu bài chấm  - HS nghe | - HS đọc đoạn văn  + Sự có mặt của muông thú mang lại vẻ đẹp gì cho cánh rừng ?  \*Hướng dẫn viết từ khó  - Yêu cầu HS tìm các từ khó viết  - Yêu cầu đọc và viết các từ khó  - GV đọc mẫu lần 1.  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3.  - GV chấm 7-10 bài.  - Nhận xét bài viết của HS. |
| **3. HĐ thực hành: *(8 phút)*** | |
| - HS đọc yêu cầu  - Cả lớp làm vào vở, báo cáo kết quả  - Khuya, truyền thuyết, xuyên, yên  - Các tiếng chứa ***yê*** có âm cuối thì dấu thanh được đánh vào chữ cái thứ 2 ở âm chính  - HS đọc  - Quan sát hình minh hoạ, điền tiếng thích hợp, chia sẻ kết quả  a) Chỉ có *thuyền* mới hiểu  Biển mênh mông nhường nào  Chỉ có biển mới biết  *Thuyền* đi đâu về đâu.  b. Lích cha lích chích vành *khuyên*  Mổ từng hạt nắng đọng nguyên sắc vàng.  - HS nghe  - HS đọc yêu cầu  - HS quan sát tranh  - HS nêu theo hiểu biết của mình.  - HS nghe | **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - Yêu cầu HS tự làm bài tập  - HS đọc các tiếng vừa tìm được  - Em nhận xét gì về cách đánh các dấu thanh ở các tiếng trên?  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài  - Yêu cầu HS tự làm bài  - GV nhận xét kết luận lời giải đúng.  **Bài 4:(M3,4) HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - Yêu cầu HS quan sát tranh để gọi tên từng loài chim trong tranh. Nếu HS nói chưa rõ GV có thể giới thiệu  - GV nhận xét chữa bài |
| **4. Hoạt động Vận dụng: (2phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Cho HS viết các tiếng: *khuyết, truyền, chuyện, quyển*  - Nêu quy tắc ghi dấu thanh cho các tiếng chứa ***yê***. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán:***

**SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU**

**I. MỤC TIÊU:**

***1.Kiến thức***:

-Biết khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi.

***-*** Viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi.

***-***HS cả lớp làm được bài 1,2.

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

# - GV: SGK

- HS: SGK, vở viết

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - HS chia thành 2 đội chơi, mỗi đội 5 bạn thi nối tiếp nhau, đội nào đúng và nhanh hơn thì giành chiến thắng  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" với nội dung: chuyển các STP sau thành hỗn số:  *3,12 4,3 54,07 17,544 1,2*  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)** | |
| - HS điền và nêu kết quả :  9dm = 90cm  9dm = 0,9m ; 90cm = 0,90m  - HS trao đổi ý kiến, sau đó một số em trình bày trước lớp, HS cả lớp theo dõi và nhận xét.  - HS : 0,9 = 0,90.  - HS quan sát các chữ số của hai số thập phân và nêu : Khi viết thêm 1 chữ số vào bên phải phần thập phân của số 0,90 thì ta được số 0,90.  - Nếu bỏ chữ số 0 ở bên phải phần thập phân của số 0,90 thì ta được số 0,9.  - Khi bỏ chữ số 0 ở bên phải phần thập phân của số 0,90 ta được số 0,9 là số bằng với số 0,90.  - 1 HS đọc. | **Ví dụ**  - GV nêu bài toán : Em hãy điền số thích hợp vào chỗ trống :  9dm = ...cm  9dm = ....m 90cm = ...m  - GV nhận xét kết quả điền số của HS sau đó nêu tiếp yêu cầu : Từ kết quả của bài toán trên, em hãy so sánh 0,9m và 0,90m. Giải thích kết quả so sánh của em?  - GV nhận xét ý kiến của HS và kết luận:  Ta có : 9dm = 90cm  Mà 9dm = 0,9m và 90cm = 0,90m  Nên 0,9m = 0,90 m  - Biết 0,9m = 0,90m  - Em hãy so sánh 0,9 và 0,90.  \* Nhận xét 1  - Em hãy tìm cách để viết 0,9 thành 0,90.  \* Nhận xét 2  - Em hãy tìm cách để viết 0,90 thành 0,9.  - Trong ví dụ trên ta đã biết 0,90 = 0,9. Vậy khi bỏ chữ số 0 ở bên phải phần thập phân của số 0,90 ta được một số như thế nào so với số này ?  - GV yêu cầu HS mở SGK và đọc lại các nhận xét. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành:(15 phút)** | |
| - 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK.  - HS cả lớp làm bài vào vở, báo cáo kết quả.  7,800 = 7,8; 64,9000 = 64,9;  3,0400 = 3,04 200,300 = 2001,3;  35,0200 = 35,02: 100,000 = 100  - 1 HS (M3,4)nêu.  - HS cả lớp làm bài vào vở , chia sẻ kết quả  a. 5,612 ; 17,200 ; 480,590  b. 24,500 ; 80,010 ; 14,678.  - HS làm bài, báo cáo kết quả | **Bài 1: HĐ cá nhân**  - GV yêu cầu HS đọc đề toán.  - GV yêu cầu HS làm bài.  - GV nhận xét, kết luận  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - GV gọi HS giải thích yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm bài.  - GV nhận xét, chữa bài    **Bài 3:(M3,4): HĐ cá nhân**  - Cho HS tự làm bài rồi báo cáo kết quả  - GV có thể giúp đỡ HS còn khó khăn |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Cho HS vận dụng kiến thức làm bài: Viết thành số có 3 chữ số ở phần thập phân:  7,5 = … 2,1 = … 4,36 = …  60,3 = … 1,04 = … 72 = … |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Khoa học:***

**PHÒNG BỆNH VIÊM GAN A**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***:

***-*** Biết cách phòng tránh bệnh viêm gan A.

***-*** Phân tích, đối chiếu các thông tin về bệnh viêm gan A.

- Tự bảo vệ và đảm nhận trách nhiệm thực hiện vệ sinh ăn uống để phòng bệnh viêm gan A.

***-*** Luôn có ý thức thực hiện phòng tránh bệnh viêm gan A, luôn vận động tuyên truyền mọi người cùng tích cực thực hiện.

\* GD BVMT: Con người cần đến không khí, nước uống, thức ăn từ môi trường nên cần phải bảo vệ môi trường.

***2. Năng lực:*** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất**: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên: Hình vẽ trong SGK trang 32,33 phóng to.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS chơi trò chơi  - Muỗi cu-lex hút các vi rút có trong máu các gia súc và các động vật hoang dã rồi truyền sang cho người lành.  - Rất nguy hiểm đến tính mạng hoặc tàn tật suốt đời  - Tiêm vắc-xin phòng bệnh  - Cần có thói quen ngủ màn kể cả ban ngày  - Chuồng gia xúc để xa nhà  - Làm vệ sinh môi trường xung quanh  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi sau:  + Tác nhân gây bệnh viêm não là gì?  + Bệnh viêm não nguy hiểm như thế nào?  + Cách đề phòng bệnh viêm não?    - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25phút)** | | |
| - HS hoạt động nhóm do nhóm trưởng điều khiển  - Các nhóm gắn bảng và đọc  Bệnh viêm gan A  - Rất nguy hiểm  - Lây qua đường tiêu hoá  - Dấu hiệu: gầy, yếu, sốt nhẹ, đau bụng, chán ăn, mệt mỏi.  - Chia nhóm, đọc thông tin, phân vai tập diễn  - 2-3 nhóm lên diễn kịch  VD:  HS 1 (Dìu 1 HS nằm xuống ghế)  HS 3: Cháu bị làm sao vậy chị?  HS 1: Mấy tuần nay cháu hơi bị sốt kêu đau bụng bên phải, gần dan, cháu chán ăn, cơ thể mệt mỏi  HS 3: Chị cần cho cháu đi xét nghiệm máu  HS 2: Thưa bác sĩ, bệnh viêm gan A có lây không?  HS 3: Bệnh này lây qua đường tiêu hoá  - HS nối tiếp nhau trả lời  + Lây truyền qua đường tiêu hoá. Vi rút viêm gan A có trong phân người bệnh... từ đó sẽ lây sang người lành khi uống nước lã, thức ăn sống  - Các nhóm thảo luận, trả lời.  - Làm cho cơ thể gầy yếu, mệt mỏi, chán ăn.  - Chưa có thuốc đặc trị.    - HS đọc  - HS nghe | | ***Hoạt động 1:*** *Chia sẻ kiến thức*  - Tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm.  - Phát bảng nhóm, yêu cầu HS trao đổi thảo luận.  - GV kết luận: Qua dấu hiệu của người mắc bệnh viêm gan A. Có thể phân biệt với viêm gan B  ***Hoạt động2:****Tác nhân gây bệnh và con đường lây truyền bệnh viêm gan A*  -Yêu cầu HS đọc thông tin theo nhóm  - Yêu cầu các nhóm diễn kịch  - Yêu cầu HS trả lời  + Bệnh viêm gan A lây qua đường nào?  - GV nhận xét và kết luận về nguyên nhân và con đường lây truyền  ***Hoạt động 3:*** *Cách đề phòng bệnh viêm gan A*  *-* Tổ chức cho HS hoạt động nhóm  + Người trong hình minh hoạ đang làm gì?  + Làm như vậy để làm gì?  + Theo em, khi bị viêm gan A cần làm gì?  + Bệnh viên gan A nguy hiểm như thế nào?  + Hiện nay có thuốc đặc trị viêm gan A chưa?  - Yêu cầu HS đọc mục bạn cần biết  - GV kết luận. |
| **3.Hoạt động ứng dụng:( 5 phút)** | | |
| - HS nêu | | - Gia đình em đã làm gì để phòng bệnh viêm gan A. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ ba ngày 26 tháng 10 năm 2021**

***Luyện từ và câu***

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: THIÊN NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:***

***-*** Hiểu nghĩa từ thiên nhiên (BT1); nắm được một số từ ngữ chỉ sự vật, hiện tựơng thiên nhiên trong một số thành ngữ, tục ngữ (BT2).

-Tìm được từ ngữ tả không gian, tả sông nước và đặt câu với một từ ngữ tìm được ở mỗi ý a,b,c của BT3,BT4.

- HS HTT hiểu ý nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ ở BT2; có vốn từ phong phú và biết đặt câu với từ tìm được ở ý d của BT3.

***2. Năng lực****:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, gắn bó với môi trường sống.

**II. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên: Tranh ảnh về các hiện tượng thiên nhiên.

- Học sinh: Vở , SGK

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** |  |
| - 2 đội chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho 2 đội HS chơi trò chơi "Nói nhanh, nói đúng" nêu các từ nhiều nghĩa. Đội nào kể được nhiều và đúng thì đội đó thắng.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (27 phút)** | |
| - HS đọc yêu cầu  - HS tự làm bài, chia sẻ  + Chọn ý b: *tất cả những gì không do con người tạo ra.*  - HS đọc yêu cầu  - HS thảo luận nhóm do nhóm trưởng điều khiển, sau đó báo cáo kết quả  *+ Lên thác xuống ghềnh*  *+ Góp gió thành bão*  *+Qua sông phải luỵ đò*  *+Khoai đất lạ, mạ đất quen*  - HS đọc thuộc câu thành ngữ, tục ngữ  - HS đọc    - HS thảo luận nhóm, báo cáo trước lớp  - Lớp nhận xét bổ xung  + Tả chiều rộng: bao la, mênh mông, bát ngát, thênh thang, vô tận, bất tận, khôn cùng  + Tả chiều dài: xa tít tắp, tít mù khơi, thăm thẳm, ngút ngát, lê thê, dài ngoẵng,  *+* Tả chiều cao: chót vót, vời vợi, chất ngất, cao vút..  + Tả chiều sâu: hun hút, thăm thẳm,  - HS đọc  - HS thi  + Tả tiếng sóng: ì ầm, ầm ầm, ầm ào, rì rào, ì oạp, oàm oạp, lao xao, thì thầm  + Tả làn sóng nhẹ: lăn tăn, dềnh, trườn lên, bò lên, *..*  + Tả đợt sóng mạnh: cuồn cuộn, trào dâng, ào ạt, cuộn trào, điên cuồng, dữ dội, khủng khiếp.. | **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài  - GV nhận xét và KL bài đúng  **Bài 2: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm  - Gọi HS lên làm  - GV nhận xét kết luận bài đúng  - Yêu cầu HS đọc thuộc lòng những câu thành ngữ, tục ngữ.  **Bài 3: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - HS đọc câu mẫu  - HS thảo luận nhóm 4  - GV nhận xét kết luận và ghi nhanh các từ HS bổ sung lên bảng  **Bài 4: Trò chơi**  - Yêu cầu HS nêu nội dung bài  - HS thi tìm từ  - GV nhận xét chữa bài. |
| **3. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)** | |
| - HS nêu: *róc rách, tí tách, ào ào,...* | - Tìm các từ tượng thanh chỉ tiếng nước chảy ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Kể chuyện***

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức***:

***-***Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

***-*** Biết trao đổi về trách nhiệm của con người đối với thiên nhiên.

- HS HTT kể được câu chuyện ngoài SGK, nêu được trách nhiệm giữ gìn thiên nhiên tươi đẹp.

\*GDBVMT:Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, gắn bó với môi trường sống, giữ gìn thiên nhiên tươi đẹp.

***2. Năng lực***:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Biết nghe và nhận xét lời kể của bạn.

**II. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên: Một số truyện nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên

- Học sinh: Câu chuyện nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động Khởi động** (3phút) | |
| - HS chơi  - HS nghe  - HS viết vở | - Cho HS chơi trò chơi"Kể đúng, kể nhanh" tên một số loài cây dùng để chữa bệnh. Đội nào kể được nhiều và đúng thì đội đó thắng.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:** (8phút) | |
| - Học sinh đọc đề.  - Học sinh đọc gợi ý SGK.  - Học sinh tiếp nối nêu tên câu chuyện sẽ kể. | - GV ghi đề bài lên bảng:  ***Đề bài:*** *Kể một câu chuyện em đã nghe thấy hay đã đọc nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên.*  - Gọi HS đọc đề  - GV gạch chân những từ trọng tâm ca ngợi hòa bình, chống chiến tranh.  - Cho HS tiếp nối nhau đọc gợi ý SGK  - Giáo viên nhắc học sinh: những truyện đã nêu trong gợi ý là những truyện đã học, các em cần kể chuyện ngoài SGK  - Gọi HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể |
| **3. Hoạt động thực hành:(22 phút)** | |
| - HS kể theo cặp  - Thi kể chuyện trước lớp  - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất.  - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể. | - Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi  - Thi kể trước lớp  - Cho HS bình chọn người kể hay nhất  - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện  - Nhận xét. |
| **4. Hoạt động vận dụng:** (2’) |  |
| - HS nêu | - Chúng ta cầ phải làm gì để góp phần bảo vệ thiên nhiên ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán***

**SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHÂN**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức*:**

***-*** Biết so sánh hai số thập phân .

- Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.

- HS cả lớp làm được bài 1, 2.

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: SGK, Bảng phụ

- HS: SGK, vở viết

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3phút)** | |
| - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS chơi trò chơi:"Truyền điện". Một bạn đọc một số TP bất kì sau đó truyền cho bạn bên cạnh, bạn đó phải đọc ngay một số TP bằng với số thập phân vừa rồi, cứ tiếp tục như vậy từ bạn này đến bạn khác, bạn nào không nêu được thì thua cuộc.  - GV nhận xét, tuyên dương HS  - Giới thiệu bài - ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (10phút)** | |
| - HS thảo luận nhóm, nêu cách so sánh  8,1m = 81dm ; 7,9m = 79dm  Vì 81dm > 79dm 8,1m >7,9m  - 8,1 > 7,9  - Phần nguyên 8 > 7  - Khi so sánh 2 STP ta có thể so sánh phần nguyên với nhau. Số nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn và ngược lại.  - HS nghe  - 2-3 HS nêu  - Không vì phần nguyên của 2 số đó bằng nhau  - HS thảo luận nêu:  + Đổi ra đơn vị khác để so sánh.  + So sánh 2 phần thập phân với nhau.  - 1 số HS nêu lớp theo dõi và nhận xét  35,7 > 35,698  Hàng phần mười 7 > 6  - 1 HS đọc kết luận SGK  - Học sinh đọc.  - Học sinh đọc phần ghi nhớ SGK | *\* Hướng dẫn cách so sánh 2STP có phần nguyên khác nhau*  **Ví dụ 1:** *So sánh 8,1m và 7,9m*  - Gọi HS trình bày cách so sánh?  - GV nhận xét cách so sánh của HS  - Hướng dẫn HS so sánh như SGK:  8,1 = 81dm; 7,9m = 79dm  Ta có 81dm >79dm tức là 8,1>7,9  - Biết 8,1m > 7,9m, so sánh 8,1 và 7,9?  - Hãy so sánh phần nguyên của 8,1 và 7,9  - Dựa vào VD1: Hãy nêu cách so sánh  - GV nêu lại kết luận (SGK)  - Yêu cầu HS nhắc lại.  *\*Hướng dẫn so sánh 2 STP có phần nguyên bằng nhau*  **- Ví dụ 2:** *So sánh 35,7m và 3,698m*  - Nếu sử dụng kết luận trên có thể so sánh được 2 STP này không? Vì sao?  - Vậy để so sánh được ta là như thế nào?  - GV nhận xét ý kiến của HS yêu cầu HS so sánh phần thập phân của 2 số đó.  - Gọi HS trình bày cách so sánh.  - GV giới thiệu cách so sánh như SGK:  + Phần thập phân của 35,7m là  m = 7dm =700mm  + Phần thập phân của 35,698m là m = 698mm  Mà 700mm > 698mm  nên m >m  Do đó 35,7m > 35,698m  Từ kết quả trên hãy so sánh:  35,7 ... 35,698  - Hãy so sánh hàng phần mười của 35,7 và 35,698  - Em hãy nêu cách so sánh ở trường hợp này?  - GV tóm tắt, kết luận.  *\*Ghi nhớ:*  - Yêu cầu HS đọc. |
| **3. Hoạt động Thực hành: *(20 phút)*** | |
| - 1 HS đọc đề, lớp đọc thầm.  - So sánh 2 STP  - HS làm vở , báo cáo kết quả  a) 48,97 < 51,02 vì phần nguyên 48 < 51  b) 96,4 > 96,39 vì hàng phần mười 4 > 3  c) 0,7 > 0,65 vì hàng phần mười 7 > 6  - Xếp thứ tự từ bé đến lớn  - Cần so sánh các số này  - HS làm vở, chia sẻ kết quả  + So sánh phần nguyên 6<7<8<9  + Có 2 số có phần nguyên bằng nhau so sánh phần mười 3 < 7  + xếp 6,375 < 6,735 < 7,19 < 9,01  - HS làm bài: 0,4; 0,321; 0,32; 0,197; 0,187. | **Bài 1: HĐ cá nhân**  -Cho HS đọc yêu cầu  - Nêu yêu cầu của bài toán  - Yêu cầu HS tự làm  - GV nhận xét chữa bài, yêu cầu HS nêu cách so sánh  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Nêu yêu cầu của bài toán  - Để xếp được ta cần làm gì ?  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét chữa bài. Yêu cầu HS nêu cách làm.  **Bài 3:(M3,4)**  - Cho HS tự làm bài vào vở  - Hướng dẫn HS còn gặp khó khăn |
| **4. Hoạt động Vận dụng: (2 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện  69,99 < 70,01 0,4 > 0,36  95,7 > 95,68 81,01 = 81,010 | - GV cho HS vận dụng kiến thức làm bài: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm  69,99 … 70,01 0,4 … 0,36  95,7 … 95,68 81,01 … 81,010 |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Lịch sử***

**XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:***

***-*** Biết một số biểu hiện về xây dựng cuộc sống mới ở thôn xã:

+Trong những năm 1930- 1931, ở nhiều vùng nông thôn ở Nghệ - Tĩnh nhân dân giành được quyền làm chủ, xây dựng cuộc sống mới,

+ Ruộng đất của địa chủ bị tịch thu để chia cho nông dân; các thứ thuế vô lí bị xoá bỏ.

+ Các phong tục lạc hậu bị xoá bỏ.

***-*** Kể lại được cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 tại Nghệ An:

+ Ngày 12- 9 -1930 hàng vạn nông dân các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn với cờ đỏ búa liềm và các khẩu hiệu cách mạng kéo về thành phố Vinh. Thực dân Pháp cho binh lính đàn áp, chúng cho máy bay ném bom đoàn biểu tình. Phong trào đấu tranh tiếp tục lan rộng ở Nghệ - Tĩnh

***-*** Khâm phục, biết ơn những người đã dũng cảm đấu tranh phá bỏ áp bức bóc lột

***2. Năng lực*:**

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động

- Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước

- HS yêu thích môn học lịch sử

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: Bản đồ hành chính Việt Nam.

- HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS hát  - 2 HS trả lời.  - Lớp theo dõi, nhận xét.  - HS nghe | - Cho HS hát bài"Em là mầm non của Đảng", trả lời câu hỏi:  + Hãy nêu những nét chính về hội nghị thành lập ĐCSVN?  + Nêu ý nghĩa của việc ĐCSVN ra đời.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25phút)** | | |
| - 1 em lên bảng chỉ.  - Học sinh lắng nghe.  - HS thuật lại trong nhóm,1 em trình bày trước lớp  - Quyết tâm đánh đuổi thực dân Pháp và bè lũ tay sai.  - HS thảo luận, thực hiện theo yêu cầu  - Không có ruộng, họ phải cày thuê, cuốc mướn.  - Không xảy ra trộm cắp.  - Các thủ tục lạc hậu bị đả phá, thuế vô lý bị xóa bỏ v.v...  - Phấn khởi.  - HS thảo luận, trình bày:  - Cho thấy tinh thần dũng cảm của nhân dân ta. Sự thành công bước đầu cho thấy nhân dân ta hoàn toàn có thể làm cách mạng thành công.  - Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh đã khích lệ, cộ vũ động viên tinh thần yêu nước của nhân dân ta. | | ***\*Hoạt động 1:*** *Cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 và tinh thần cách mạng của nhân dân Nghệ - Tĩnh trong những năm 1930 - 1931*  - Giáo viên treo bản đồ hành chính Việt Nam, yêu cầu học sinh tìm và chỉ vị trí hai tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh.  - Nghệ - Tĩnh là hai tên gọi tắt của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Tại đây, ngày 12-9-1930 đã diễn ra cuộc biểu tình lớn, đi đầu cho phong trào đấu tranh của nhân dân ta.  - Yêu cầu: Dựa vào tranh và nội dung SGK hãy thuật lại cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 ở Nghệ An?  - Cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 đã cho thấy tinh thần đấu tranh của nhân dân Nghệ An - Hà Tĩnh như thế nào?  - **KL:** Đảng ra vừa ra đời đã đưa phong trào cách mạng bùng lên ở một số địa phương. Trong đó có phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao. Phong trào này làm nên những đổi mới ở làng quê Nghệ Tĩnh những năm 30-31.  ***\*Hoạt động 2:*** *Những chuyển biến đổi mới ở những nơi nhân dân Nghệ Tĩnh giành được chính quyền cách mạng*  - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận và trả lời câu hỏi và yêu cầu sau:  + Khi sống dưới ách đô hộ của thực dân Pháp người nông dân có ruộng cày đất không? Họ phải cày ruộng cho ai?  + Hãy đọc SGK và ghi lại những điểm mới ở những nơi nhân dân Nghệ Tĩnh giành được chính quyền cách mạng những năm 1930 -1931.  + Khi được sống dưới chính quyền Xô Viết, người dân có cảm nghĩ gì?  - GV nhận xét, kết luận: *Dưới chính quyền Xô Viết Nghệ - Tĩnh, bọn đế quốc phong kiến vô cùng hoảng sợ, đán áp phong trào hết sức dã man. Hàng nghìn Đảng viên và chiến sĩ yêu nước bị tù đày hoặc bị giết. Đến giữa năm 31 phong trào lắng xuống. Mặc dù vây, phong trào đã tạo một dấu ấn to lớn trong lịch sử Việt Nam và có ý nghĩa hết sức to lớn.*  ***\*Hoạt động 3:*** *Ý nghĩa của phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh*  - Phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh nói lên điều gì về tinh thần chiến đấu và khả năng làm cách mạng của nhân dân ta?  - Phong trào có tác động gì đối với phong trào của cả nước? |
| **3.Hoạt động ứng dụng (5 phút)** | | |
| - HS nghe và thực hiện | | - Sưu tầm những bài thơ nói về phong trào Xô Viết - nghệ Tĩnh. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ tư ngày 27 tháng 10 năm 2021**

***Tập đọc:***

**TRƯỚC CỔNG TRỜI**

**I. MỤC TIÊU :**

***1. Kiến thức:***

***-*** Hiểu nội dung: Ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao và cuộc sống thanh bình trong lao động của đồng bào các dân tộc. (Trả lời các câu hỏi 1, 3, 4; thuộc lòng những câu thơ em thích )

***-***Biết đọc diễn cảm bài thơ thể hiện cảm xúc tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên vùng cao nước ta.

***2. Năng lực****:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:**  Giáo dục lòng tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên vùng cao nước ta.

**II. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, tranh minh họa bài đọc trong sách giáo khoa, bảng phụ ghi sẵn câu văn, đoạn văn cần luyện đọc.

- Học sinh: Sách giáo khoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - HS chơi trò chơi  - Cách chơi: Trưởng trò nêu tên 1 dân tộc của Việt Nam sau đó truyền điện cho bạn khác kể tên các dân tộc của Việt Nam, bạn nào không trả lời được thì thua cuộc.  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện" nêu tên các dân tộc của Việt Nam.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài, ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (10phút)** | |
| - Một HS (M3,4) đọc toàn bài, chia đoạn  - Nhóm trưởng điều khiển các bạn trong nhóm đọc:  + Học sinh đọc nối tiếp nhau từng đoạn lần 1+ luyện đọc từ khó, câu khó.  - Học sinh đọc nối tiếp nhau từng đoạn lần 2 + giải nghĩa từ chú giải  - Học sinh luyện đọc theo cặp.  - Một học sinh đọc lại toàn bài.  - HS nghe | - Gọi HS đọc bài  - Cho HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm  - Luyện đọc theo cặp  - Đọc toàn bài  - GV đọc mẫu |
| **3. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút)** | |
| - Nhóm trưởng điều khiển các bạn trả lời câu hỏi, chia sẻ trước lớp  - Học sinh đọc khổ thơ 1 và trả lời.  + Gọi nơi đây là cổng trời vì đó là đèo cao giữa 2 vách đá, từ đỉnh đèo có thể nhìn thấy cả 1 khoảng trời lộ ra, có mây bay, có gió thoảng, tạo cảm giác như đó là cổng để đi lên trời.  - Học sinh đọc khổ thơ 2 đến 3 và trả lời: Màn sương khói huyền ảo, những cánh rừng ngút ngàn cây trái, muôn sắc màu cỏ hoa, khoảng trời bồng bềnh mây trôi …  - Thích hình ảnh đứng ở cổng trời, ngửa đầu nhìn lên thấy khoảng không có gió thoảng mây trôi, tưởng như đó là cổng đi lên trời, đi vào thế giới chuyện cổ tích.  - Cảnh rừng sương gió như ấm lên bởi có hình ảnh con người, ai nấy tất bật, rộn ràng với công việc: gặt lúa, trồng rau, tìm măng, hái nấm …  - HS nghe  - Học sinh đọc lại :Ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao và cuộc sống thanh bình trong lao động của đồng bào các dân tộc. | - Cho HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi  1. Vì sao địa điểm tả trong bài thơ được gọi là “cổng trời”  2. Tả lại vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên trong bài thơ?  3. Trong những cảnh vật được miêu tả, em thích nhất cảnh vật nào? Vì sao?  4. Điều gì đã khiến cảnh rừng sương gió ấy như ấm lên!  - Giáo viên nhận xét bổ xung.  - Nội dung bài: Giáo viên ghi bảng. |
| **Luyện đọc hay: (8 phút)** | |
| - Học sinh luyện đọc theo cặp.  - Học sinh thi luyện đọc diễn cảm trước lớp.  - Học sinh nhẩm thuộc lòng đoạn 2 tại lớp. | - Hướng dẫn cả lớp luyện đọc và thi đọc diễn cảm 1 đoạn thơ.  - Chọn đoạn 2 làm đoạn đọc diễn cảm và đoạn học thuộc lòng.  - Giáo viên theo dõi, nhận xét.  - Luyện đọc thuộc lòng  - HS (M3,4) học thuộc lòng bài thơ  - Giáo viên nhận xét |
| **4. Hoạt động vận dụng: (2phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Em có cảm nhận gì trước vẻ đẹp hùng vĩ của đát nước ta ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

***Tập làm văn:***

**LUYỆN TẬP TẢ CẢNH**

**I. MỤC TIÊU:**

***1*. *Kiến thức:***

***-*** Lập được dàn ý bài văn tả một cảnh đẹp ở địa phương đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài.

***-*** Dựa vào dàn ý ( thân bài), viết được một đoạn văn miêu tả cảnh đẹp ở địa phương.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Yêu mến cảnh đẹp của quê hương, đất nước.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Một số tranh ảnh minh hoạ cảnh đẹp của đất nước .

- HS: Một số tranh ảnh minh hoạ cảnh đẹp của đất nước .

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3phút)** | | |
| - HS thi đọc  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức thi đọc đoạn văn miêu tả cảnh sông nước.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động thực hành:(30 phút)** | | |
| - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài  + Mở bài: Giới thiệu cảnh đẹp định tả, địa điểm của cảnh đẹp đó, giới thiệu được thời gian địa điểm mà mình quan sát.  + Thân bài: tả những đặc điểm nổi bật của cảnh đẹp, những chi tiết làm cho cảnh đẹp trở lên gần giũ, hấp dẫn người đọc  Các chi tiết miêu tả được sắp xếp theo trình tự: từ xa đến gần, từ cao xuống thấp.  + Kết bài: nêu cảm xúc của mình với cảnh đẹp quê hương.  - Cả lớp làm vào vở, 2 HS viết vào bảng nhóm  - HS trình bày  - 3 HS đọc bài của mình  - HS đọc yêu cầu  - HS làm vào vở  - HS đọc bài của mình | | **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV cho HS XD dàn ý chung cho bài văn bằng hệ thống câu hỏi.  - Phần mở bài em cần nêu được những gì?  - Hãy nêu nội dung chính của thân bài?  - Phần kết bài cần nêu những gì?  - Yêu cầu HS tự lập dàn bài. 2 HS làm vào bảng nhóm.  - HS gắn bài lên bảng và trình bày  - 3 HS đọc bài của mình GV nhận xét bổ sung  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - HS đọc yêu cầu  - HS tự làm bài  - HS đọc bài văn của mình  - GV nhận xét |
| **3.Hoạt động vận dụng:(2 phút)** | | |
| - HS nghe và thực hiện | | - Về viết đoạn thân bài trong bài văn miêu tả cảnh đẹp địa phương. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán***

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. *Kiến thức:***

***-*** Biết so sánh hai số thập phân.

- Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn.

- HS Làm bài1,2,3, 4a

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK, vở viết

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | |
| - HS chơi  - HS nghe  - HS ghi bảng | - Cho HS chơi trò chơi"Phản xạ nhanh": Một HS nêu một số thập phân bất kì sau đó chỉ định 1 HS khác nêu một STP lớn hơn số thập phân vừa nêu.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2.Hoạt động ôn tập kiến thức:(5 phút)** | |
| - Học sinh nhắc lại.  83,7 < 84,6  16,3 < 16,4 | - Giáo viên cho học sinh nhắc lại cách so sánh 2 số thập phân.  - Giáo viên lấy ví dụ yêu cầu học sinh áp dụng quy tắc đã học rồi so sánh. |
| **3. Hoạt động thực hành: *(25 phút)*** | |
| - HS đọc  - Học sinh tự giải rồi báo cáo kết quả  84,2 > 84, 19  6,843 < 6,85  47,5 = 47,500  90,6 > 89,6  - HS đọc  - Học sinh giải vào vở.  4,23 < 4,32 < 5,3 < 5,7 < 6,02  - HS theo dõi  - Nêu yêu cầu bài toán.  - Học sinh tự làm bài vào vở, chia sẻ kết quả:  9,708 < 9,718  - Học sinh nêu yêu cầu bài toán.  - Học sinh tự làm bài  a) = 1 vì 0,9 < 1 < 1,2  - HS làm bài vào vở, báo cáo giáo viên  b) x = 65 vì 64,97 < 65 < 65,14 | **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài  - Giáo viên gọi học sinh đọc kết quả.  - Giáo viên nhận xét chữa bài.  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Hướng dẫn học sinh làm bài.  - Chấm 1 số bài.  - Nhận xét chữa bài.  **Bài 3**: **HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài  - Nhận xét chữa bài.  **Bài 4a: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài  - Gọi học sinh chữa bài.  - Nhận xét chữa bài.  **Bài 4b(M3,4): HĐ cá nhân**  - Cho HS tự làm vào vở |
| **4. Hoạt động vận dụng:(2 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện  0  a) 23,651 > 23,6 5  0  b) 1,235 = 1,235  9  c) 21,832 < 21, 00 | - Cho HS làm bài tập sau: Điền chữ số thích hợp vào ô trống:  a) 23,651 > 23,6 5  b) 1,235 = 1,235  c) 21,832 < 21, 00 |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Đạo đức:***

**SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ**

ĐIỀU CHỈNH THEO CV 3799

**I. MỤC TIÊU:**

1.***Kiến thức***:

- Nêu được biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí.

- HS lựa chọn và đưa ra được cách xử lí phù hợp khi gặp tình huống trong thực tế; - Chia sẻ về những biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí.

- Giảithích được vì sao cần phải sử dụng tiền hợp lí.

***2. Năng lực*:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác. Năng lực điều chỉnh hành vi:  Năng lực phát triển bản thân; Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội:

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. CHUẨN BỊ**

- GV:

+ Phiếu bài tập (HĐ 3)

+ Mẫu kế hoạch chi tiêu cá nhân (HĐ 5, 6)

+ Mô hình giá tiền của các đồ dùng hằng ngày (vd: Gạo, rau, thịt, cá, …)

- HS: Thẻ chữ cái đúng- sai.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** |  |
| - HS hát  - HS ghi vở | **-** HS nghe và hát theo đĩa nhạc bài hát “Con heo đất”.  - GV giới thiệu bài. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (25 phút)** | |
| - HS thảo luận nhóm 5 tìm cách giải quyết tình huống  - HS bày tỏ ý kiến.  - HS nhận xét.  .  *HS thảo luận cặp đôi*  *Trình bày ý kiến*  - HS nhận xét. | **Hoạt động 1: Xử lí tình huống**  - GV chia nhóm, cho HS bốc thăm các tình huống.  - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận, lựa chọn cách xử lí trong các tình huống đã cho.  + Tình huống 1: Tuy mới học lớp 5 nhưng Nam đã đòi cha mẹ mua sắm cho nhiều đồ đắt tiền như máy nghe nhạc MP3, máy ảnh kĩ thuật số và cả điện thoại di động để mong mình trở thành sành điệu trước mắt bạn bè. Từ khi có những đồ dùng đó, Nam chỉ ham mê nghe nhạc, nhắn tin … mà sao nhãng học tập.  - Em nhận xét như thế nào về biểu hiện của Nam? Nếu em là bạn của Nam em sẽ khuyên bạn điều gì?  + Tình huống 2: Hôm nay mẹ đi vắng, mẹ cho Lan 100.000 đồng để mua thức ăn chuẩn bị cho cả ngày. Nếu là Lan em sẽ chi tiêu như thế nào?  - GV kết luận  **Hoạt động 2. Chia sẻ về cách sử dụng tiền hợp lí.**  - GV yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi theo yêu cầu sau:  + Em đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình vào những việc gì?  + Vì sao em lại sử dụng tiền vào những việc đó? |
|  |  |
| **3. Hoạt động ứng dụng:(7 phút)** | |
| -HS lắng nghe, thực hiện yêu cầu. | - Nhắc HS trong cuộc sống phải biết chi tiêu hợp lí tiết kiệm  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Kĩ thuật***

**NẤU CƠM (Tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***:

***-*** Biết cách nấu cơm.

***-*** Vận dụng kiến thức đã học để nấu cơm giúp gia đình.

***-*** Sử dụng bếp đun đúng cách để tiết kiệm năng lượng.

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên:

+ Gạo, nồi nấu cơm thường và nồi cơm điện

+ Bếp dầu hoặc bếp ga du lịch

+ Rá, đũa, chậu, xô chứa nước sạch, lon sữa bò để đong gạo

+ Phiếu học tập

- Học sinh: SGK

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** |  |
| - Nhắc lại kiến thức đã học  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS nêu cách nấu cơm bằng các loại nồi khác nhau.  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (20 phút)** | |
| - HS nhắc lại những nội dung đã học ở tiết trước  - HS đọc nội dung mục 2 và quan sát hình 4 SGK  - Làm việc nhóm đôi tìm hiểu về cách nấu cơm bằng nồi cơm điện  - So sánh với nấu cơm bằng bếp đun  - Vài HS lên thao tác  - HS tự đánh giá kết quả học tập dựa vào câu hỏi cuối bài  - Báo cáo kết quả học tập | **Hoạt động 3**: Tìm hiểu các cách nấu cơm bằng nồi cơm điện  - Yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học ở tiết trước  **Hoạt động4**: Nhận xét đánh giá  - Sử dụng câu hỏi cuối bài để đánh giá |
|  |  |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Về nhà tập nấu cơm bằng các loại nồi khác nhau. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ năm ngày 28 tháng 10 năm 2021**

***Luyện từ và câu:***

**LUYỆN TẬP VỀ TỪ NHIỀU NGHĨA**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***:

- Phân biệt được những từ đồng âm ,từ nhiều nghĩa trong số các từ nêu ở BT1 ..

- Hiểu được nghĩa gốc, và nghĩa chuyển của từ nhiều nghĩa( BT2)

***-*** Biết đặt câu phân biệt các nghĩa của một từ nhiều nghĩa (BT3)

- HSHTT biết đặt câu phân biệt các nghĩa của mỗi tính từ nêu ở BT3.

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** HS yêu thích Tiếng Viêt, biết giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ

- Học sinh: Vở, SGK

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** |  |
| - HS thi lấy ví dụ  - HS trả lời  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức thi lấy ví dụ về từ đồng âm và đặt câu.  - GV nhận xét, hỏi thêm:  + Thế nào là từ đồng âm?  + Thế nào là từ nhiều nghĩa?  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (30 phút)** | |
| - HS đọc  - HS thảo luận nhóm 4  - Đại diện các nhóm trả lời  a) Chín 1: hoa quả hạt phát triển đến mức thu hoạch được  - Chín 3: suy nghĩ kĩ càng  - Chín 2: số 9  - Chín 1 và chín 3 là từ nhiều nghĩa, đồng âm với chín 2  b) Đường 1: chất kết tinh vị ngọt  - Đường 2: vật nối liền 2 đầu  - Đường 3: chỉ lối đi lại.  - Từ đường 2 và đường 3 là từ nhiều nghĩa đồng âm với từ đường 1  c) vạt 1: mảnh đất trồng trọt trải dài trên đồi núi  - vạt 2: xiên đẽo  - vạt 3: thân áo  - Vạt 1 và 3 là từ nhiều nghĩa đồng âm với từ vạt 2  - HS đọc yêu cầu  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm trao đổi thảo luận, trình bày kết quả  a) Mùa xuân….: nghĩa gốc: chỉ một mùa của năm.  …. Càng xuân: nghĩa chuyển chỉ sự tươi đẹp  b) Bẩy mươi xuân: nghĩa chuyển: chỉ tuổi, năm  - HS nêu yêu cầu  - HS làm vào vở  - HS chia sẻ kết quả  + Bạn Nga cao nhất lớp tôi.  Mẹ tôi thường mua hàng VN chất lượng cao.  + Bố tôi nặng nhất nhà.  Bà nội ốm rất nặng.  + Cam đầu mùa rất ngọt.  Cô ấy ăn nói ngọt ngào dễ nghe.  Tiếng đàn thật ngọt. | **Bài 1: HĐ nhóm**  - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài theo nhóm  - Trình bày kết quả  *a. Chín*  - Lúa ngoài đồng đã chín vàng (1)  - Tổ em có chín học sinh (1)  - Nghĩ cho chín chắn rồi hãy nói (3)  *b. Đường*  - Bát chè này nhiều đường nên rất ngọt (1)  - Các chú công nhân đang chữa đường dây điện thoại (2)  - Ngoài đường mọi người đã đi lại nhộn nhịp (3)  *c. Vạt*  - Vạt nương (1)  - Vạt nhọn đầu gậy tre (2)  - Vạt áo choàng (3)  - GV nhận xét kết luận bài đúng  **Bài 2: HĐ nhóm**  - HS nêu yêu cầu  - HS trao đổi thảo luận tìm ra nghĩa của từ xuân và trình bày kết quả  - GV nhận xét KL  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - HS đọc yêu cầu  - HS tự làm bài  - GV nhận xét chữa bài |
| **3. Hoạt động ứng dụng:(3 phút)** | |
| - HS đặt câu  a) Cây cột cờ **cao** chót vót.  b) Bột giặt ô-mô là hàng Việt Nam chất lượng **cao**. | - Đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ **cao** với nghĩa sau:  a) Có chiều cao lớn hơn mức bình thường  b) Có số lượng hoặc chất lượng hơn hẳn mức bình thường |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tập làm văn:***

**LUYỆN TẬP TẢ CẢNH**

***(Dựng đoạn mở bài, kết bài*)**

**I. MỤC TIÊU**

***1.*** ***Kiến thức:***

***-*** Nhận biết và nêu được cách viết hai kiểu mở bài: mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp (BT1)

- Phân biệt hai cách kết bài : kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng (BT2),

***-*** Viết được đoạn mở bài kiểu gián tiếp, đoạn kết bài kiểu bài mở rộng cho bài văn cảnh thiên nhiên ở địa phương (BT3).

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Yêu thích viết văn tả cảnh, yêu thích cảnh đẹp làng quê.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: SGK, tranh ảnh về cảnh đẹp của đất nước

- HS: Sưu tầm tranh ảnh về cảnh đẹp của địa phương

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS tổ chức chơi trò chơi  + Trong bài văn tả cảnh mở bài trực tiếp là giới thiệu ngay cảnh định tả  + Mở bài gián tiếp là nói chuyện khác rồi dẫn vào đối tượng định tả  + Cho biết kết thúc của bài tả cảnh  + Kết bài mở rộng là nói lên tình cảm của mình và có lời bình luận thêm về cảnh vật định tả.  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với những câu hỏi sau:  + Thế nào là mở bài trực tiếp trong văn tả cảnh?  + Thế nào là mở bài gián tiếp?  + Thế nào là kết bài không mở rộng?  + Thế nào là kết bài mở rộng?  - GV nhận xét  - GV: Muốn có một bài văn tả cảnh hay hấp dẫn người đọc các em cần đặc biệt quan tâm đến phần mở bài và kết bài. Phần mở bài gây được bất ngờ tạo sự chú ý của người đọc, phần kết bài sâu sắc, giàu tình cảm sẽ làm cho bài văn tả cảnh thật ấn tượng sinh động. Hôm nay các em cùng thực hành viết phần mở bài và kết bài trong văn tả cảnh  - GV viết bảng | |
| **2. Hoạt động thực hành:(29 phút)** | | |
| - HS đọc  - HS thảo luận cặp đôi  - HS đọc đoạn văn cho nhau nghe  + Đoạn a mở bài theo kiểu trực tiếp vì giới thiệu ngay con đường định tả là con đường mang tên Nguyễn Trường Tộ  + Đoạn b mở bài theo kiểu gián tiếp vì nói đến những kỉ niệm tuổi thơ với những cảnh vật quê hương ... rồi mới giới thiệu con đường định tả.  + Mở bài theo kiểu gián tiếp sinh động hấp dẫn hơn.  - HS đọc  - HS làm bài theo nhóm, 1 nhóm làm vào bảng nhóm  + Kiểu kết bài mở rộng hay hơn, hấp dẫn hơn.  - HS đọc  - HS làm vào vở  - HS đọc bài của mình | | **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - Yêu cầu HS đọc nội dung , yêu cầu bài  - HS thảo luận theo nhóm 2  - HS trình bày  - Đoạn nào mở bài trực tiếp?  - Đoạn nào mở bài gián tiếp?  - Em thấy kiểu mở bài nào tự nhiên hấp dẫn hơn?  **Bài 2: HĐ nhóm**  - Gọi HS nêu yêu cầu nội dung bài  - HS HĐ nhóm 4.  - Gọi nhóm có bài viết bảng nhóm lên gắn bảng  - Yêu cầu lớp nhận xét bổ xung  - GV nhận xét KL:  + Giống nhau: đều nói lên tình cảm yêu quý gắn bó thân thiết của tác giả đối với con đường  + Khác nhau: Đoạn kết bài theo kiểu tự nhiên: Khẳng định con đường là người bạn quý gắn bó với kỉ niệm thời thơ ấu cảu tác giả. Đoạn kết bài theo kiểu mở rộng: nói về tình cảm yêu quý con đường của bạn HS, ca ngợi công ơn của các cô bác công nhân vệ sinh đã giữ cho con đường sạch đẹp và những hành động thiết thực để thể hiện tình cảm yêu quý con đường của các bạn nhỏ.  - Em thấy kiểu kết bài nào hấp dẫn người đọc hơn.  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - HS nêu yêu cầu bài  - HS tự làm bài  - Gọi HS đọc đoạn mở bài của mình  - GV nhận xét  - Phần kết bài thực hiện tương tự |
| **3.Hoạt động ứng dụng:(1 phút)** | | |
| - HS nghe và thực hiện | | - Về nhà viết lại đoạn mở bài và kết bài cho hay hơn. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán:***

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I . MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***:

***-*** Biết đọc, viết, sắp xếp thứ tự các số thập phân.

- Tính bằng cách thuận tiện nhất

- HS cả lớp làm được bài 1, 2, 3.

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: SGK, bảng phụ

- HS: SGK, vở viết

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | |
| - HS chơi  - HS nghe - HS ghi vở | - Trò chơi: ***Xây nhà:***  15,50  15,5  26 + 17   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 34,66 |  | 34,660 | | 2,01 | 2,010 | | 4,80 | 4,8000 |   -Giáo viên tổ chức cho 2 đội tham gia chơi, mỗi đội 5 em. Khi nghe giáo viên hô ***1, 2, 3 bắt đầu*** mỗi đội sẽ phải tìm thật nhanh các số thập phân trên các mảnh ghép để ghép vào ngôi nhà cho gắn vào đúng vị trí cho phù hợp. Khi dán xong sẽ được hình ngôi nhà mái đỏ, tường vàng, cửa xanh. Gắn đúng 1 hình sẽ được 10 điểm. Đội nào làm đúng và hoàn thành trước sẽ là đội thắng cuộc.  - Lưu ý: Các vị trí tương ứng sẽ là các STP bằng nhau  - Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc.  - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng |
| **2. HĐ thực hành: *(27phút)*** | |
| - Một HS chỉ số TP, 1 HS đọc  - HS nêu : Giá trị của chữ số 1 trong số 28,416 là 1 phần trăm.  - Giá trị của chữ số 1 trong số 0,0187 là 1 phần mười.  - HS viết số, báo cáo kết quả  a. 5,7 ; b. 32,85 ; c. 0,01 ; d. 0,304  - HS làm bài, báo cáo kết quả  - Các số : 42,538 ; 41,835 ; 42, 358 ; 41,538  - Xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là :  41,538 ; 41,835 ; 42,358 ; 42,538.  - HS làm bài vào vở | **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - Cho HS hoạt động cặp đôi  - GV có thể cho HS hỏi thêm về giá trị theo hàng của các chữ số trong từng số thập phân. Ví dụ : Hãy nêu giá trị của chữ số 1 trong các số 28,416 và 0,187.  - GVnhận xét HS.  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Yêu cầu HS cả lớp viết vào vở.  - GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, sau đó chữa bài và cho điểm HS.  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân  **Bài 4(M3,4): HĐ cá nhân**  - Cho HS làm bài  - GV quan sát, uốn nắn HS |
| **4. Hoạt động ứng dụng:(3phút)** | |
| - HS nêu | - Số nào lớn nhất trong các số sau:  *74,26 ; 74,62 ; 47,99 ; 100,01* |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Khoa học:***

**PHÒNG TRÁNH HIV / AIDS**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***:

***-*** Biết nguyên nhân và cách phòng tránh HIV/ AIDS .

***-*** Tìm kiếm, xử lí thông tin về bệnh HIV/AIDS và cách phòng chống bệnh HIV/AIDS, hợp tác giữa các thành viên trong nhóm để tổ chức, hoàn thành công việc liên quan đến triển lãm.

***-*** Luôn có ý thức tuyên truyền vận động mọi người cùng phòng tránh nhiễm HIV

\* GD BVMT: Con người cần đến không khí, nước uống, thức ăn từ môi trường nên cần phải bảo vệ môi trường.

***2. Năng lực:*** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên: Hình vẽ trong SGK phóng to.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS chơi trò chơi  - Do vi-rút viêm gan A, bệnh lây qua đường tiêu hóa. Một số dấu hiệu của bệnh viêm gan A: sốt nhẹ, đau ở vùng bụng bên phải, chán ăn.  - Cần “ăn chín, uống sôi”, rửa sạch tay trước khi ăn và sau khi đi đại tiện.  - Thực hiện theo lời khuyên của bác sĩ, ăn uống, sinh hoạt, tập thể dục thường xuyên...  - HS ghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi:  + Bệnh viêm gan A lây qua đường nào?  + Chúng ta làm thế nào để phòng bệnh viêm gan A?  + Bệnh nhân mắc viêm gan A cần làm gì ?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25phút)** | | |
| - Tổ trưởng báo cáo việc chuẩn bị của các thành viên  - 5-7 học sinh trình bày  - HS nghe  - HS hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận, làm bài  Đáp án  1- c; 2- b; 3- d; 4- e; 5- a  - Lớp nghe và thảo luận.  - Là hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải do vi rút gây nên.  - Vì nó rất nguy hiểm, khả năng lây lan nhanh. Hiện nay chưa có thuốc đặc trị. Nếu ở giai đoạn AIDS thì chỉ còn đợi chết.  - Tất cả mọi người đều có thể bị lây nhiễm.  - Qua đường máu, đường tình dục, từ mẹ sang con  - Ví dụ: Tiêm trích ma tuý, dùng chung bơm kim tiêm truyền máu...  - Để phát hiện cần phải đi thử máu xét nghiệm.  - Không lây nhiễm HIV  - Để phòng tránh phải thực hiện tốt qui định về truyền máu, sống lành mạnh.  - Có thể bị lây nhiễm.  - Sống lành mạnh, không tham gia tệ nạn xã hội như ma tuý, bị ốm làm theo chỉ dẫn của bác sĩ .  - 4 HS tiếp nối nhau đọc thông tin.  - Thực hiện nếp sống lành mạnh, chung thuỷ.  - Không nghiện hút, tiêm chích ma tuý.  - Dùng bơm kim tiêm tiệt trùng, 1 lần dùng.  - Khi truyền máu phải xét nghiệm máu.  - Phụ nữ mắc bệnh HVI/AIDS không nên sinh con.  - Học sinh hoạt động nhóm.  - Các nhóm lên tham gia thi.  - HS nghe | | *\** ***Hoạt động 1*:** *Chia sẻ kiến thức*  - Kiểm tra sự sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.  - Các em biết gì về bệnh nguy hiểm này?  - GV nhận xét, bổ sung  ***\*Hoạt động 2:*** *HIV/ AIDS là gì? Các con đường lây truyền HIV / AIDS*  - Tổ chức chơi "Ai nhanh, ai đúng"  - Chia nhóm, mỗi nhóm 4 em  - Tổ chức cho HS thực hành hỏi đáp.  - HIV/AIDS là gì?  - Vì sao người ta thường gọi HIV/AIDS là căn bệnh thế kỷ?  - Những ai có thể bị lây nhiễm HIV/AIDS?  - HIV lây truyền qua những con đường nào?  - Hãy lấy ví dụ minh hoạ?  - Làm thế nào để phát hiện người bị HIV?  - Muỗi đốt có lây nhiễm HIV không?  - Có thể làm gì để phòng tránh HIV?  - Dùng chung bàn chải đánh răng có bị lây nhiễm HIV không?  - Ở lứa tuổi mình phải làm gì để bảo vệ mình?  ***\*Hoạt động3:****Cách phòng tránh HIV/AIDS*  ***-*** Yêu cầu HS quan sát và đọc các thông tin  + Em biết những biện pháp nào để phòng tránh HIV/AIDS?  - GV nhận xét, khen ngợi  - Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm  - Tổ chức thi tuyên truyền phòng chống HIV / AIDS.  - GV nhận xét tổng kết cuộc thi |
| **3.Hoạt động vận dụng:(3 phút)** | | |
| - HS nêu  - HS nghe và thực hiện | | - Gia đình em đã làm những gì để phòng tránh HIV/AIDS ?  - Về nhà viết bài tuyên truyền mọi người phòng tránh HIV/AIDS. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Địa lí***

**DÂN SỐ NƯỚC TA**

**I. MỤC TIÊU:**

***1.Kiến thức*:** Học xong bài học này, HS :

***-*** Biết sơ lược về dân số, sự gia tăng dân số của Việt Nam:

+ Việt Nam thuộc hàng các nước đông dân trên thế giới .

+ Dân số nước ta tăng nhanh.

- Biết tác động của dân số đông và tăng nhanh: gây nhiều khó khăn đối với việc đảm bảo các nhu cầu học hành, chăm sóc y tế của người dân về ăn, mặc, ở, học hành , chăm sóc y tế .

***-***Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ để nhận biết một số đặc điểm về dân sốvà sự gia tăng dân số .

- HSHTT :Nêu một số ví dụ cụ thể về hậu quả của sự tăng dân số ở địa phương .

***-*** Tuyên truyền về dân số, sự gia tăng dân số và hậu quả tăng dân số.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước qua việc nắm rõ đặc điểm địa lý Việt Nam. GD bảo vệ môi trường : HS nắm được đặc điểm về môi trường tài nguyên và khai thác tài nguyên.

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: + Biểu đồ gia tăng dân số Việt Nam (phóng to).

+ Sưu tầm thông tin, tranh ảnh thể hiện hậu quả của gia tăng dân số.

- HS: SGK

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - HS hát  - 2 HS lần lượt lên bảng trả lời các câu hỏi sau:  + Chỉ và nêu vị trí, giới hạn của nước ta trên bản đồ.  + Nêu vai trò của đất, rừng đối với đời sống và sản xuất của nhân dân ta.  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS hát bài "Quê hương tươi đẹp"  - Cho HS tổ chức mời 2 bạn lên bảng, yêu cầu trả lời các câu hỏi về nội dung bài cũ.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - ghi bảng | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút)** | | |
| - HS đọc bảng số liệu.  - HS làm việc cá nhân và ghi câu trả lời ra phiếu học tập của mình.  + Năm 2004, dân số nước ta là 82,0 triệu người.  + Nước ta có dân số đứng hàng thứ 3 trong các nước Đông Nam Á sau In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.  + Nước ta có dân số đông.  - 1 HS lên bảng trình bày ý kiến về dân số Việt Nam theo các câu hỏi trên, cả lớp theo dõi và nhận xét.  - HS đọc biểu đồ (tự đọc thầm).  - HS làm việc cá nhân  + Từ năm 1979 đến năm 1989 dân số nước ta tăng khoảng 11,7 triệu người.  + Từ năm 1989 đến năm 1999 dân số nước ta tăng khoảng 11,9 triệu người  + Từ năm 1979 đến năm 1999, tức là sau 20 năm, ước tính dân số nước ta tăng lên 1,5 lần.  + Dân số nước ta tăng nhanh.  - 1 HS trình bày nhận xét về sự gia tăng dân số Việt Nam theo các câu hỏi trên, cả lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu cần).  - Mỗi nhóm có 6 - 8 HS cùng làm việc để hoàn thành phiếu.  - HS nêu vấn đề khó khăn (nếu có) và nhờ GV hướng dẫn.  - Lần lượt từng nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình, cả lớp cùng theo dõi, nhận xét. | | *\*Hoạt động 1: Dân số, so sánh dân số Việt Nam với dân số các nước Đông Nam Á*  - GV treo bảng số liệu số dân các nước Đông Nam Á như SGK lên bảng, yêu cầu HS đọc bảng số liệu.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xử lý các số liệu và trả lời các câu hỏi sau  + Năm 2004, dân số nước ta là bao nhiêu người?  + Nước ta có dân số đứng hàng thứ mấy trong các nước Đông Nam Á?  - Từ kết quả nhận xét trên, em rút ra đặc điểm gì về dân số Việt Nam? (Việt Nam là nước đông dân hay ít dân?)  - GV gọi HS trình bày kết quả trước lớp.  - GV nhận xét, bổ sung  *Hoạt động 2: Gia tăng dân số ở Việt* *Nam*  - GV treo Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm như SGK lên bảng và yêu cầu HS đọc.  - GV hỏi để hướng dẫn HS cách làm việc với biểu đồ:  + Từ năm 1979 đến năm 1989 dân số nước ta tăng bao nhiêu người?  + Từ năm 1989 đến năm 1999 dân số nước ta tăng thêm bao nhiêu người?  + Từ năm 1979 đến năm 1999, tức là sau 20 năm, ước tính dân số nước ta tăng thêm bao nhiêu lần?  + Em rút ra điều gì về tốc độ gia tăng dân số của nước ta?  - GV gọi HS trình bày kết quả làm việc trước lớp.  *Hoạt động 3: Hậu quả của dân số tăng nhanh*  - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS làm việc theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập có nội dung về hậu quả của sự gia tăng dân số.  - GV theo dõi các nhóm làm việc, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình trước lớp. |
| **3.Hoạt động vận dụng:(2 phút)** | | |
| - HS nêu | | - Em hãy nêu ví dụ cụ thể về hậu quả của việc gia tăng dân số ở địa phương em ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ sáu ngày 29 tháng 10 năm 2021**

***Toán:***

**VIẾT CÁC SỐ ĐO ĐỘ DÀI DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***:

- Biết viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân ( trường hợp đơn giản).

***-*** Viết được số đo độ dài dưới dạng số thập phân

- HS cả lớp làm được bài 1, 2, 3.

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: SGK, Bảng phụ kẻ sẵn bảng đơn vị độ dài.

- HS: SGK, vở viết, bộ đồ dùng học toán

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3phút)** | |
| - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi"Tìm nhanh,tìm đúng".  - Cách chơi: Trưởng trò đưa nhanh các số TP có chữ số 5 ở các hàng sau đó gọi HS nêu nhanh giá trị của chữ số đó.  -VD: 56,679; 23,45 ; 134,567...  - Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh.  - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng |
| **2. Hoạt động ôn tập bảng đơn vị đo độ dài:(15 phút)** | |
| - 1 học sinh nêu, lớp theo dõi nhận xét  - 1 học sinh lên bảng viết.  1m = dam = 10dm  - Hai đơn vị đo độ dài liền kề nhau gấp hoặc kém nhau 10 lần.  - Học sinh lần lượt nêu:  1000m = 1km 1m = km  1m = 100cm 1cm = m  1m = 1000mm ; 1mm=m  - Học sinh thảo luận và nêu cách làm  - Lớp theo dõi và nhận xét  + B1: 6m4dm = 6m (chuyển 6m4dm thành hỗn số có đơn vị là m)  + B2: Chuyển 6m STP có đơn vị là m: 6m4dm = 6m = 6,4m  - HS theo dõi.  - HS làm 3m 5cm = 3m = 3,05m. | *\* Bảng đơn vị đo độ dài*:  - Giáo viên treo bảng đơn vị đo độ dài.  - Yêu cầu học sinh nêu tên đơn vị đo độ dài từ bé đến lớn.  - Gọi 1 học sinh viết tên các đơn vị đo độ dài vào bảng (kẻ sẵn)  \* *Quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài liền kề.*  - Em hãy nêu mối quan hệ giữa dam và m? m và dam? (học sinh nêu GV ghi bảng)  - Hỏi tương tự để hoàn chỉnh bảng đơn vị đo độ dài (như phần chuẩn bị).  - Hãy nêu mối quan hệ giữa 2 đơn vị đo độ dài liền kề nhau?  \* *Quan hệ giữa các đơn vị đo thông dụng*  - Yêu cầu học sinh nêu mối quan hệ giữa m với km, cm, mm?  \* *Hướng dẫn viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân*  \* VD1:  - GV nêu bài toán: Viết STP thích hợp vào chỗ chấm:  6m4dm= ... m  - Yêu cầu học sinh nêu kết quả và cách tìm STP để điền  - GV nhận xét và nhắc lại cách làm.  - GV có thể hướng dẫn bằng sơ đồ sau:    Hỗn số  **Phần phân số**  **Phần nguyên**  **Phần thập phân**  **Phần nguyên**  Số thập phân  **6,4**  \* VD 2: Làm tương tự như VD 1 |
| **3. Hoạt động thực hành: *(15 phút)*** | |
| - HS đọc đề  - HS cả lớp làm vở  8m 6dm = 8m = 8,6m  2dm 2cm = 2dm = 2,02dm  3m 7cm = 3m = 3,07m  23m 13cm = 23m = 23,13m  - 3m 4dm = 3m = 3,4m  - HS nêu  - HS cả lớp làm vở, báo cáo bết quả  - Đáp án:   |  | | --- | | 2m 5cm = 2,05m  21m 36cm = 21,36m  8dm 7cm = 8,7dm  4dm 32mm = 4,32dm  73mm = 0,73dm |   - Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả  a. 5km 203m = 5,203km  b. 5km 75m = 5,075km  c. 302m = 0,203km | **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc đề bài  - Yêu cầu học sinh làm bài.  - GV chấm một số bài  - GV nhận xét  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS nêu cách viết 3m 4dm = ?m  - GV nêu và hướng dẫn lại.  - Yêu cầu HS làm bài  - GV chấm bài nhận xét.  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - Gọi HS nêu đề bài.  - Yêu cầu HS tự làm và chia sẻ  - Nhận xét chữa bài. |
| **4. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)** | |
| - HS làm bài  72m 5cm =72,05m  10m 2dm =10,2m  50km 200m = 50.2km  15m 50cm = 15,5m | - Cho HS vận dụng kiến thức làm bài: Viết STP thích hợp vào chỗ chấm:  72m 5cm =.......m  10m 2dm =.......m  50km 200m = .....km  15m 50cm = .....m |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ**

**SINH HOẠT LỚP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** *Giúp HS:*

- HS nắm được ưu điểm và nhược điểm về các mặt: Học tập, nề nếp, vệ sinh, và việc thực hiện nội quy của trường của lớp.

- HS đưa ra được nhiệm vụ và biện pháp để thực hiện kế hoạch tuần tiếp theo.

- Sinh hoạt theo chủ điểm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng phụ viết sẵn kế hoạch tuần tới.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **-** Lớptrưởng lên điều hành:  - Cả lớp cùng thực hiện.  - HS lắng nghe và trả lời.  - Lớp trưởng điều hành các tổ báo cáo ưu và khuyết điểm:  + Tổ 1  + Tổ 2  + Tổ 3  - HS lắng nghe.  - HS trả lời  - Lớp trưởng điều hành các tổ thảo luận và báo cáo kế hoạch tuần 9  + Tổ 1  + Tổ 2  + Tổ 3  - HS nhắc lại kế hoạch tuần  - LT điều hành  + Tổ 1 Kể chuyện  + Tổ 2 Hát  + Tổ 3 Đọc thơ | **1. Hoạt động khởi động:**  - Gọi lớp trưởng lên điều hành:  **2. Nội dung sinh hoạt:**  **a. Giới thiệu:**  - GV hỏi để học sinh nêu 3 nội dung hoặc giáo viên nêu.  1. Đánh giá nhận xét hoạt động tuần vừa qua.  2. Xây dựng kế hoạch cho tuần sau.  3. Sinh hoạt theo chủ điểm  **b. Tiến hành sinh hoạt:**  **\*Hoạt động 1: Đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần 8**  Gv gọi lớp trưởng lên điều hành.  - Nề nếp:  - Học tập:  - Vệ sinh:  - Hoạt động khác  **GV:** nhấn mạnh và bổ sung:  - Một số bạn còn chưa có ý thức trong công tác vê sinh.  - Sách vở, đồ dùng học tập  - Kĩ năng chào hỏi  ? Để giữ cho trường lớp xanh - sạch- đẹp ta phải làm gì?  ? Để thể hiện sự tôn trọng đối với người khác ta cần làm gì?  **\*H. đông 2: Xây dựng kế hoạch trong tuần 9**  - GV giao nhiệm vụ: Các nhóm hãy thảo luận, bàn bạc và đưa ra những việc cần làm trong tuần tới (TG: 5P)  - GV ghi tóm tắt kế hoạch lên bảng hoặc bảng phụ  - Nề nếp: Duy trì và thực hiện tốt mọi nề nếp  - Học tập: - Lập thành tích trong học tập  - Chuẩn bị bài trước khi tới lớp.  - Vệ sinh: Vệ sinh cá nhân, lớp học, khu vực tư quản sạch sẽ.  - Hoạt động khác  + Chấp hành luật ATGT  + Chăm sóc bồn hoa, cây cảnh lớp học, khu vực sân trường.  - Tiếp tục trang trí lớp học  - Hưởng ứng tuần lễ *Học tập suốt đời*  **\*Hoạt động 3: Sinh hoạt theo chủ điểm**  - GV mời LT lên điều hành:    - GV chốt nội dung, chuẩn bị cho tiết sinh hoạt theo chủ điểm tuân sau.  3.  **Tổng kết:**  - Cả lớp cùng hát bài: “Lớp chúng ta đoàn kêt” |